

Bản án số: 219/2022/DS-PT

Ngày: 26-9-2022

V/v: “*Tranh chấp di sản thừa kế và
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân

Ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia
phiên tòa:** Ông Lê Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp di sản thừa kế theo pháp luật và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông Đinh Văn T, sinh năm 1959; địa chỉ: tổ 69 (tổ 37 mới), phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng.

***Bị đơn:** Ông Đinh N, sinh năm 1948; địa chỉ: H Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá H; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền ngày 10/3/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Quý T, Công ty Luật TNHH MTV A, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: quận T, thành phố Đà Nẵng.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Đinh Văn K, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn H 1, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

2. Bà Đinh Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn H 1, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

3. Ông Nguyễn T, sinh năm 1955; địa chỉ: huyện H, thành phố Đà Nẵng.
4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; địa chỉ: huyện H, thành phố Đà Nẵng.
5. Ông Đinh Văn Q, sinh năm 1960; địa chỉ: H Kỳ.
6. Ông Đinh Văn N, sinh năm 1962; địa chỉ: tổ 20, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng.
7. Ông Đinh Văn B, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn H 1, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.
8. Bà Đinh Thị H, sinh năm 1940; địa chỉ: thôn H 1, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.
9. Ông Đinh N, sinh năm 1945; địa chỉ: thôn H 2, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.
10. Ủy ban nhân dân huyện H; địa chỉ: huyện H, thành phố Đà Nẵng.
11. Ông Trần Văn M, sinh năm 1986 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn H 1, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.
12. Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

***Người kháng cáo:** bị đơn ông Đinh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện vào các ngày 27/7/2017, 22/10/2017, bản tự khai ngày 12/6/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đinh Văn T trình bày:

Ông bà nội ông là Đinh Đ, chết năm 1967 và bà Lê Thị A, chết năm 1994 sinh được 07 người con gồm: Đinh Đ, Đinh Thị Đ, Đinh Văn Đ, Đinh Thị H, Đinh N, Đinh N và Đinh Thị M. Hiện còn sống 03 người (N, N, H); chết 04 người, cụ thể như sau:

- Ông Đinh Đ, chết năm 1972, có vợ là Đặng Thị M, chết năm 1993. Ông Đ và bà M có 03 người con gồm Đinh Văn T, Đinh Văn K và Đinh Thị T.

- Bà Đinh Thị Đ, chết năm 1958, có chồng là ông Nguyễn D, chết năm 1996. Bà Đ và ông D có 02 người con là ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị H.

- Ông Đinh Văn Đ, chết năm 1968, có vợ là bà Nguyễn Thị T, chết năm 1991. Ông Đ, bà T có 03 người con là Đinh Văn Q, Đinh Văn N và Đinh Văn B.

- Bà Đinh Thị M chết năm 2016 không có chồng con.

Ngoài ra, ông bà nội ông không có con riêng, con nuôi nào khác.

Di sản thừa kế do ông bà nội ông để lại gồm ngôi nhà tường xây, nền xi măng, mái tranh do ông bà nội ông tự xây dựng. Bà nội ông đứng tên kê khai theo Chỉ thị 229 và Nghị định 64 của Chính phủ.

Đến năm 1996, con cháu sửa chữa lại nền gạch hoa, mái ngói như hiện nay theo “Giấy công nhận” con cháu đóng góp trùng tu ngày 20/12/1999. Ngôi nhà tọa lạc trên lô đất diện tích 2428m² tại thôn H 1, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Các cô, chú của ông sinh ra và lớn lên tại ngôi nhà này, sau đó lần lượt lập gia đình và đến nơi khác tạo dựng nơi ở mới, còn lại chú ông là ông Đinh N và cô Đinh Thị M cùng ở với ông bà nội ông tại ngôi nhà này. Sau này ông N cũng ra ở riêng. Sau khi bà nội ông qua đời, ngôi nhà do cô của ông là bà Đinh Thị M trông coi, quản lý, con cháu hương khói ông bà và giỗ chạp tại đây. Năm 2016, cô ông chết, ngôi nhà này được ông Đinh N cho vợ chồng ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị P thuê. Hiện nay thì ông M bà P đã trả nhà không còn thuê nữa.

Năm 1996, thực hiện việc kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Đinh N đứng tên kê khai và đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H625354 ngày 05/3/1996 với diện tích 2428m², đất thổ cư, số thửa 244, tờ bản đồ số 23 tại H 1, H, H.

Năm 2011, các cô chú của ông gồm ông Đinh N, ông Đinh N, bà Đinh Thị H và bà Đinh Thị M đồng chủ trì cuộc họp gia đình, có mặt đầy đủ tất cả con cháu thế vị để phân chia nhà đất do ông bà nội để lại. Cuộc họp thống nhất việc phân chia và lập “giấy phân chia đất thừa kế” ngày 07/4/2011, trên cơ sở đó con cháu thực hiện. Tuy nhiên, đến năm 2013 lợi dụng sự trùng tên giữa chú Đinh N (sinh năm 1945) người đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tên của mình là Đinh N (sinh năm 1948). Ông N đã qua mặt chính quyền địa phương làm thủ tục cấp đổi từ “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” đứng tên Đinh N sang “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BK 530786 ngày 26/3/2013 đứng tên Đinh N.

Sau khi đứng tên trên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, ông Đinh N đã tự ý chuyển nhượng cho 04 anh em còn sống, gồm ông Đinh N, Đinh N, Đinh Thị H, Đinh Thị M, không phân cho con cháu thế vị của những người đã chết. Hiện nay các chủ sử dụng mới này đã được cấp Giấy chứng nhận riêng biệt.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng chia di sản thừa kế nhà đất do ông bà nội để lại theo quy định của pháp luật cho các hàng thừa kế.

- Yêu cầu Tòa án tuyên hủy các Giấy chứng nhận sau: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số: BK 530786 ngày 26/3/2013 đứng tên ông Đinh N do Ủy ban nhân dân

huyện H cấp; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đinh N; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đinh Thị H; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đinh Thị M.

Ngày 12/7/2018 nguyên đơn ông Đinh Văn T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích 200m² đất đã tặng cho bà Đinh Thị M và phần diện tích 300m² đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Trần Ý Nhi; đồng thời rút yêu cầu khởi kiện về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đinh Thị M và bà Nguyễn Trần Ý Nhi.

Tại các Bản trình bày gửi đến Tòa án các ngày 05/12/2017, 06/12/2017; 19/10/2018, 7/9/2018, 16/11/2018, bị đơn ông Đinh N trình bày:

Về đất thừa kế: Cha mẹ ông là Đinh Đ và Lê Thị A lúc còn sống có rất nhiều đất ở, đất ruộng, đất trồng hoa màu, cứ mỗi đứa con có gia đình ra ở riêng đều được cấp đất.

- Anh Đinh Đ cấp mảnh đất vườn mà hiện nay Đinh Văn K là em của Đinh Văn T đang ở, cấp ½ cái nhà sát sông trồng hoa màu, đối diện nhà K.

- Đinh Thị Đ được cấp một mảnh ruộng ở D, sau năm 1975 sung vào hợp tác xã nông nghiệp (mẹ của T và H)

- Đinh Văn Đ (cha của Q, B, N) cấp một mảnh vườn cháu B đang ở, nữa cái nhà trồng hoa màu.

- Đinh N, được cấp 1700m², tại thửa đất số 244, tờ bản đồ số 23 đã bán cho người khác.

Ba người còn lại gồm Đinh Thị H, Đinh N và Đinh Thị M chưa được chia đất thừa kế.

Sau năm 1975 theo chính sách đất đai của nhà nước, hợp tác xã nông nghiệp xã H, cấp sổ đỏ cho ông Đinh N đối với thửa đất số 244, tờ bản đồ số 23 theo luật đất đai của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nên đất không thuộc thừa kế. Từ năm 1999, ông cho đúc trụ và rào kẽm gai làm ranh giới lô đất. Năm 2001, ông cho sang ủi mặt bằng, trồng cây ăn trái, cây kiểng. Sau đó ông bỏ ra 2.200 USD để xây ngôi nhà cấp 4 thờ cúng ông bà và để em ông là bà Đinh Thị M ở. Ông bỏ tiền ra trả tiền thợ, mua cát sạn, xây tường rào, làm đường quanh nhà và ra quanh lối xóm.

Năm 2013, ông làm thủ tục cấp đổi sang đất ở theo luật đất đai mới của Nhà nước, sau 1975 trên toàn quốc, hợp tác xã nông nghiệp cấp đất ở cho hộ Đinh N thì đó thuộc tư hữu. Dù vậy, ông nghĩ rằng là đất của cha mẹ nên ông đã chia ra cho các anh em theo thủ tục tặng cho, cụ thể: Đinh Thị M: 500m² thửa đất số 1371 và 1372; Đinh N: 300m² thửa đất số 1370; Đinh Thị H: 200m² thửa đất số 1369.

Đối với các cháu như Đinh Văn T trở xuống không có chính sách tặng cho. Về giấy phân chia đất thừa kế không có giá trị sử dụng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn T:

- Yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là bất hợp pháp vì ông Đinh Văn T không có di chúc do ông bà để lại và đất này là đất thuộc tư hữu của ông Đinh N được hợp tác xã nông nghiệp xã H cấp cho hộ ông Đinh N theo luật đất đai của Nhà nước Việt Nam sau năm 1975.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ông Đinh N, bà Đinh Thị H, bà Đinh Thị M, ông Đinh N đã làm đầy đủ các thủ tục về pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông Đinh Văn T không có quyền yêu cầu hủy.

Ngoài ra, bị đơn ông Đinh N yêu cầu Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn ông Đinh Văn T vì thời hiệu chia thừa kế đã hết và nguyên đơn không có quyền yêu cầu chia thừa kế vì là hàng thừa kế thứ hai.

Tại Bản tự khai gửi đến Tòa án ngày 12 tháng 6 năm 2018 và tại phiên tòa ông Đinh Văn N trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của nguyên đơn ông Đinh Văn T về hàng thừa kế và tài sản thừa kế của ông bà nội ông Đinh Đ, bà Lê Thị A.

Năm 1996, con cháu sửa chữa lại nền gạch hoa, mái ngói như hiện nay theo “Giấy công nhận” con cháu đóng góp trùng tu ngày 20/12/1999.

Năm 1996, thực hiện việc kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Đinh N đứng tên kê khai và đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H625354 ngày 05/3/1996 với diện tích 2428m², đất thổ cư, số thửa 244, tờ bản đồ số 23 tại H 1, H, H.

Năm 2011, các cô chú của ông gồm ông Đinh N, ông Đinh N, bà Đinh Thị H và bà Đinh Thị M đồng chủ trì cuộc họp gia đình, có mặt đầy đủ tất cả con cháu thế vị để phân chia nhà đất do ông bà nội để lại. Cuộc họp thống nhất việc phân chia và lập “Giấy phân chia đất thừa kế” ngày 07/4/2011.

Đến năm 2013, lợi dụng sự nhầm lẫn giữa Đinh N và Đinh N. Ông N đã làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất sau đó đã tự chuyển nhượng cho các cô chú ông là Đinh Thị H, Đinh Thị M và Đinh N mà không chia cho những người cháu thuộc hàng thừa kế thế vị. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án xem xét chia thừa kế di sản của ông Đinh Đ, bà Lê Thị A theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị T, ông Đinh Văn K, ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị H, ông Đinh Văn B, ông Đinh Văn Q trình bày:

Các ông bà thống nhất với toàn bộ trình bày của nguyên đơn ông Đinh Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác về hàng thừa kế, về di sản thừa kế và yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế của ông bà nội của các ông bà là ông Đinh Đ và bà Lê Thị A theo quy định của pháp luật.

Theo Đơn ngày 27/11/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh N trình bày:

Theo bản đồ trích lục đất đai thời phong kiến trước đây của ông Đinh Đ và bà Lê Thị A diện tích 7332m². Ông Đ và bà A có 7 người con gồm: Đinh Đ (có 3 con là Đinh Văn T, Đinh Văn K và Đinh Thị T); Đinh Đ (có 3 con là Đinh Văn Q, Đinh Văn N và Đinh Văn B); Đinh N (Anh); Đinh N (Em); Đinh Thị Đ; Đinh Thị H và Đinh Thị M.

Cha mẹ ông đã phân chia đất đai cụ thể: Đinh Đ và Đinh Thị M 2000m² thuộc hướng đông khu vườn. Sau giải phóng ông Đinh Văn T đi bộ đội xuất ngũ, không có hộ khẩu ở địa phương; Ông Đinh Văn K khó khăn không có điều kiện đóng thuế nhà nước chỉ đủ tiền kê khai 650m², còn lại 1300m² hợp tác xã thu hồi cấp cho dân.

Ông Đinh Văn Đ và bà Nguyễn Thị T 1050m² hướng Tây khu vườn. Sau khi cha mẹ chết 3 người con còn lại đồng ý bán cho ông Nguyễn Hạnh. Ông là con trai út trong gia đình được phân chia 1800m² phía bắc khu vườn nhưng do làm ăn thua lỗ nên bị thu hồi. Diện tích đất còn lại 2482m² hướng nam khu vườn cha mẹ đã phân chia cho ông Đinh N (tức N Anh).

Nhà cửa, tường rào cổng ngõ, cây cối trên đất đều do ông Đinh N trồng, còn ông là người trông coi quản lý. Trong trường hợp Tòa án chia thừa kế ông đề nghị giữ nguyên vị trí phần đất 300m² trước đây.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ: Điều 638 Bộ luật Dân sự 1995; Điều 623, 651, 660 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2, 4 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; Điều 147, 165, 166, 227, 273, 477, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

I. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn T về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 1371 và 1372, tờ bản đồ số 23 tại H 1, H, H, H và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà Đinh Thị M và bà Nguyễn Trần Thị Ý Nhi.

II. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn T về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Đinh Đ và cụ Lê Thị A đối với diện tích đất 1582m² tại thửa 244, tờ bản đồ số 23 tại H 1, H, H và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 530786 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/3/2013 cho hộ ông Đinh N.

1. Công nhận diện tích đất 1582m² tại thửa 244, tờ bản đồ số 23 tại H 1, H, H là di sản thừa kế của cụ Đinh Đ và cụ Lê Thị A.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 530786 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/3/2013 cho hộ ông Đinh N.

3. Về giao hiện vật:

3.1. Giao cho ông Đinh Văn T, ông Đinh Văn K và bà Đinh Thị T được quyền sử dụng diện tích đất ở 237,3m² tại thửa đất 244, tờ bản đồ 23 tại thôn H 1, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; trị giá lô đất là 284.760.000 đồng. Lô đất có tứ cận: Đông giáp đất giao cho ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị H và nhà đất giao cho ông Đinh N; Tây giáp đường bê tông; Nam giáp đường bê tông; Bắc giáp thửa đất 243 (có sơ đồ kèm theo).

Ông Đinh Văn T, ông Đinh Văn K và bà Đinh Thị T được sở hữu các cây cối trên đất được giao gồm: 37 cây mai cao 2m trị giá 13.283.000 đồng, 04 cây bơ trị giá 1.436.000 đồng, 01 cây măng cầu trị giá 265.000 đồng, 10 cây cau có quả trị giá 2.650.000 đồng, 01 cây chanh trị giá 265.000 đồng, 01 cây vú sữa trị giá 218.000 đồng, 01 cây mận trị giá 265.000 đồng, 02 cây mít chưa quả trị giá 530.000 đồng; tổng trị giá cây cối 18.912.000 đồng; đồng thời được sở hữu tường rào trụ xây gạch xi măng dài 21,5m, cao 1,7m trị giá 23.650.000 đồng và sân bê tông 11,8m³ trên đất được giao trị giá 3.540.000 đồng.

3.2. Giao cho ông Đinh N được quyền sở hữu ngôi nhà cấp 4 kết cấu tường xây, mái tôn, nền gạch hoa, diện tích xây dựng 92m², diện tích sử dụng 92m² trị giá nhà 77.280.000 đồng và sử dụng diện tích đất ở 316,4m² thuộc thửa đất 244, tờ bản đồ 23 tại thôn H 1, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; trị giá đất 379.680.000 đồng. Nhà đất có tứ cận: Đông giáp giáp đường bê tông, Tây giáp đất giao cho ông ông Đinh Văn T, ông Đinh Văn K, bà Đinh Thị T và thửa đất 243, Nam giáp đất giao cho ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị H; Bắc giáp đất giao cho ông Đinh Văn N, ông Đinh Văn B (có sơ đồ kèm theo).

Ông Đinh N được quyền sở hữu các cây cối trên đất được giao gồm 5 cây mai 2m, 01 cây mai 4m trị giá 2.154.000 đồng và sở hữu vật kiến trúc trên đất gồm tường rào trụ xây gạch xi măng dài 14,3m, cao 1,7m trị giá 15.730.000 đồng, sân bê tông 6,4m³ trị giá 1.920.000.000 đồng, cửa sắt trị giá 4.000.000 đồng.

3.3. Giao cho ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích đất ở 176,6m² tại thửa đất 244, tờ bản đồ 23 tại thôn H 1, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; trị giá lô đất là 211.920.000 đồng. Lô đất có tứ cận: Đông giáp đường bê tông; Tây giáp đất giao cho ông Đinh Văn T, ông Đinh Văn Văn K và bà Đinh Thị T; Nam giáp đường bê tông; Bắc giáp đất nhà đất giao cho ông Đinh N (có sơ đồ kèm theo).

Ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị H được sở hữu các cây cối trên đất gồm: 15 cây mai 2m trị giá 5.385.000 đồng, 01 cây mít chưa quả trị giá

265.000 đồng; tổng trị giá cây cối 5.650.000 đồng; đồng thời được sở hữu vật kiến trúc trên đất là tường rào xi măng dài 32,2m, cao 1,7m trị giá 35.420.000 đồng và sân bê tông 2,6m³ trị giá 780.000 đồng.

3.4. Giao cho ông Đinh Văn N và ông Đinh Văn B được quyền sử dụng diện tích đất ở 333,7m² tại thửa đất 244, tờ bản đồ 23 tại thôn H 1, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; trị giá lô đất là 400.440.000 đồng. Lô đất có tứ cận: Đông giáp đường bê tông; Tây giáp thửa đất 241, 242; Nam giáp nhà đất giao cho ông Đinh N; Bắc giáp thửa đất 247 (có sơ đồ kèm theo).

Ông Đinh Văn N và ông Đinh Văn B được sở hữu các cây cối trên đất được giao gồm: 30 cây mai 1m trị giá 7.950.000 đồng, 01 cây mít chưa quả trị giá 265.000 đồng, 01 cây dừa trị giá 265.000 đồng, 01 cây xoài trị giá 359.000 đồng, 02 cây cau chưa quả trị giá 358.000 đồng; tổng trị giá cây cối 9.197.000 đồng.

3.5. Giao cho ông Đinh N được quyền sử dụng diện tích đất ở 300m² tại thửa đất 1370, tờ bản đồ 23 tại thôn H 1, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 567646 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/8/2013 cho ông Đinh N); trị giá lô đất là 360.000.000 đồng. Lô đất có tứ cận: Đông giáp thửa đất 247; Tây giáp đường bê tông; Nam giáp thửa đất 1372; Bắc giáp đất giao cho bà Đinh Thị H (thửa 1369) (có sơ đồ kèm theo).

3.6. Giao cho bà Đinh Thị H được quyền sử dụng diện tích đất ở 218m² tại thửa đất 1369, tờ bản đồ 23 tại thôn H 1, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 567647 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/8/2013 cho bà Đinh Thị H); trị giá lô đất là 261.600.000 đồng. Lô đất có tứ cận: Đông giáp thửa đất 247; Tây giáp đường bê tông; Nam giáp đất giao cho ông Đinh N (thửa 1370); Bắc giáp thửa đất 247 (có sơ đồ kèm theo).

4. Về nghĩa vụ thời trả:

4.1. Ông Đinh Văn T, ông Đinh Văn K và bà Đinh Thị T có nghĩa vụ thời trả giá trị cây cối và vật kiến trúc trên đất cho ông Đinh N số tiền là: 46.102.000 đồng.

4.2. Ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thời trả giá trị cây cối và vật kiến trúc trên đất cho ông Đinh N số tiền là 41.850.000 đồng.

4.3. Ông Đinh Văn N và ông Đinh Văn B có nghĩa vụ thời trả giá trị cây cối trên đất cho ông Đinh N số tiền là 9.197.000 đồng.

4.4. Bà Đinh Thị H có nghĩa vụ thời trả giá trị cây cối trên đất cho ông Đinh N số tiền là 100.000 đồng.

4.5. Ông Đinh Văn N và ông Đinh Văn B có nghĩa vụ bồi trả tiền chênh lệch chia di sản thừa kế cho những người sau đây:

- Bồi trả cho ông Đinh Văn Q 94.920.000 đồng
- Bồi trả cho ông Đinh N 19.680.000 đồng
- Bồi trả cho bà Đinh Thị H 23.160.000 đồng
- Bồi trả cho ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị H là 72.840.000 đồng.

5. Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo:

Ngày 18/02/2020, bị đơn ông Đinh N nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo:

- Nguyên đơn ông Đinh Văn T là cháu thuộc hàng thừa kế số 2, không có di chúc của ông bà nội để lại nên không có quyền yêu cầu chia thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Cụ Đ, cụ A có nhiều đất và đã chia cho ông Đinh Đ, bà Đinh Thị Đ, ông Đinh Văn Đ, còn lại 3 người Đinh Thị H, Đinh N và Đinh Thị M (đã chết) là chưa có đất thừa kế; Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh N thửa đất số 244, tờ bản đồ số 23, diện tích 2428m² nên thửa đất này không thuộc đất thừa kế.

- Bản án sơ thẩm đánh giá công sức bảo quản di sản thừa kế của bị đơn chỉ có 5% trong tổng giá trị di sản là không công bằng.

Bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh N giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, không đảm bảo thời hạn để ông Đinh N chuẩn bị có mặt tại Việt Nam tham gia phiên tòa sơ thẩm. Về công sức, Tòa án cấp sơ thẩm trích 5% trong tổng giá trị di sản là không đảm bảo quyền lợi của ông Đinh N, vì ông N có nhiều công sức trong việc tôn tạo, giữ gìn di sản, làm thủ tục để được công nhận đất ở. Tòa án cấp sơ thẩm không trích một phần đất di sản để làm nhà thờ là không phù hợp với phong tục tập quán địa phương. Vì vậy, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định 1.582 m² đất là di sản thừa kế của cụ Đ, cụ A để lại là có căn cứ và trích công sức cho ông Đinh N 5% giá trị di sản là phù hợp; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Cụ Đ và cụ A có 07 người con gồm: Đinh Đ, Đinh Thị Đ, Đinh Văn Đ, Đinh N, Đinh N, Đinh Thị H, Đinh Thị M; cụ Đ chết năm 1967, cụ A chết năm 1994 đều không để lại di chúc. Ông Đinh Đ (chết năm 1972), ông Đ có 3 con là Đinh Văn T, Đinh Văn K, Đinh Thị T; bà Đinh Thị Đ (chết năm 1958) có 2 con là Nguyễn T và Nguyễn Thị H; ông Đinh Văn Đ (chết năm 1969) có vợ bà Nguyễn Thị T (chết năm 1991) và 3 con là Đinh Văn Q, Đinh Văn N, Đinh Văn B.

[2] Như vậy, theo quy định tại Điều 638, điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 1995, những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Đ và cụ A gồm ông Đinh N, ông Đinh N, bà Đinh Thị H và theo qui định tại Điều 680 Bộ luật Dân sự năm 1995, những thừa kế thế vị phần được hưởng thừa kế của ông Đinh Đ là Đinh Văn T, Đinh Văn K, Đinh Thị T; thừa kế thế vị phần được hưởng thừa kế của bà Đinh Thị Đ là Nguyễn T và Nguyễn Thị H; thừa kế thế vị phần được hưởng thừa kế của ông Đinh Đ là Đinh Văn Q, Đinh Văn N, Đinh Văn B.

[3] Mặc dù ông Đinh Văn T thuộc hàng thừa kế thứ hai và không có di chúc ông bà nội để lại nhưng theo qui định của pháp luật được viện dẫn trên, ông Đinh Văn T là thừa kế thế vị có quyền được hưởng phần thừa kế của ông Đinh Đ được hưởng nếu còn sống. Do đó, kháng cáo của bị đơn cho rằng ông Đinh Văn T không có quyền được hưởng thừa kế là không đúng.

[4] Về nguồn gốc di sản thừa kế: thửa đất 244, tờ bản đồ số 23 trước đây cụ A kê khai quyền sử dụng đất theo Chỉ thị 299/TTg của Chính phủ tại thửa số 25, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.576m² loại đất thổ cư. Sau khi cụ A chết vào năm 1994, đến năm 1996 ông Đinh N kê khai quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó diện tích đất thổ cư là 2.428m² thuộc thửa số 244, tờ bản đồ số 23 tại H, H, H. Năm 2013, ông Đinh N nộp hồ sơ cấp đổi thửa đất số 244, tờ bản đồ số 23 sang tên ông Đinh N và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đinh N.

[5] Tại Giấy phân chia đất thừa kế lập ngày 07/4/2011, có nội dung: *“Sau khi cha mẹ chúng tôi ông Đinh Đ và bà Lê Thị A qua đời, để lại mảnh đất thổ cư, diện tích 2428m², bản đồ số 23, số thửa 244”* và các ông bà Đinh N, Đinh N, Đinh Thị H, Đinh Thị M, Đinh Văn T, Đinh Văn K, Đinh Văn N, Đinh Văn B thỏa thuận phân chia thửa đất tranh chấp này mỗi người được 150m², riêng ông N được 300m², bà H 300m², bà M, ông N mỗi người 500m².

[6] Tại Biên bản họp gia đình ngày 14/12/2013, các ông bà nêu trên phân chia lại thửa đất của ông bà để lại, cụ thể: ông N, ông N, bà Hồng, ông T, ông T, ông N mỗi người 221m², riêng bà M được 500m², còn lại để làm nhà thờ là 620m². Tuy nhiên, ông Đình N không ký biên bản và hai lần thỏa thuận phân chia đất tranh chấp đều không có mặt ông Đình Văn Q, bà Nguyễn Thị H và bà Đình Thị T.

[7] Như vậy có cơ sở để xác định thửa đất số 244, tờ bản đồ số 23 tại H, H, H là di sản thừa kế của cụ Đ và cụ A để lại. Do đó, kháng cáo của bị đơn cho rằng những người con và cháu đã được hưởng thừa kế đất của cụ Đ, cụ A nên bị đơn được hưởng thừa kế toàn bộ thửa đất số 244, tờ bản đồ số 23 là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Về công sức, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét bị đơn có công sức duy trì bảo quản, tôn tạo di sản thừa kế sau khi cụ Đ, cụ A chết và trích công sức cho ông N 5% trên tổng di sản thừa kế là phù hợp. Kháng cáo của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá công sức 5% trong tổng giá trị là không công bằng là không đúng.

[9] Về đất làm nhà thờ: cụ Đ, cụ A không có di chúc để lại di sản dùng vào việc thờ cúng. Quá trình giải quyết tranh chấp thừa kế, các đồng thừa kế không có thỏa thuận để lại một phần đất di sản làm nhà thờ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không trích một phần diện tích đất để làm nhà thờ là đúng. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng cần trích một phần đất di sản làm nhà thờ là không có căn cứ.

[10] Về thủ tục tố tụng: theo qui định tại Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Thông báo số 59/TB-TA ngày 21/12/2017 về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa, trong đó ấn định ngày mở phiên tòa và ngày mở lại phiên tòa (nếu có) theo đúng qui định của pháp luật tố tụng. Thông báo đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Do đó, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không đúng.

[11] Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất còn lại để chia thừa kế là 1582m² và chia di sản thừa kế bằng hiện vật là phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của các thừa kế và đúng qui định tại Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015. Những người thừa kế nhận hiện vật có nghĩa vụ bồi đắp chênh lệch như bản án sơ thẩm đã xác định là có căn cứ.

[12] Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đình N, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông Đình N là người cao tuổi được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 638 Bộ luật Dân sự 1995; Điều 623, 651, 660 Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đinh N;
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.
3. Án phí dân sự phúc thẩm:
Ông Đinh N được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả ông Đinh N 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0002592 ngày 16/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự